

Số: 93/2022/QĐST – HNGĐ

K, ngày 25 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H; sinh năm 1997; Nơi cư trú: Đội 13 thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh F; sinh năm 1995; Nơi cư trú: Đội 13 T, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 03 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 03 năm 2022. là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Lê Thanh F.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Thanh F có 02 con chung là Lê Hà V, sinh ngày 26/01/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 07/09/2017. Khi ly hôn, chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Lê Hà V, anh F được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Lê Minh P, chị H và anh F không pF cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Thanh F không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Lê Thị Thu H tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2020/0073093 ngày 08/03/2022. Hoàn trả lại chị H 150.000 đồng

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pF thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T (Số 64/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung